

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 08/5/2026
*Về ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Liên

Bà Nguyễn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 162/2026/TLST-HNGĐ ngày 26/02/2026 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/4/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phan Thị L**, sinh ngày 01/9/1996; Số CCCD: 040196013858; ĐKHKTT: **Tổ dân phố K, phường C, thành phố Hải Phòng**; Nơi tạm trú và nơi ở hiện nay: **Thôn C, xã H, tỉnh Nghệ An**.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 08/4/1998; Số CCCD: 030098015752; Nơi đăng ký thường trú: **Tổ dân phố K, phường C, thành phố Hải Phòng**. Nơi ở hiện nay: Nhật Bản.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông **Phan Văn T1**, sinh năm 1970; Số CCCD: 040070032491;

3.2. Bà **Nguyễn Thị T2**, sinh năm 1976; Số CCCD: 040176012007;

Đều địa chỉ: **Thôn C, xã H, tỉnh Nghệ An**.

*Người đại diện theo ủy quyền giao, nhận văn bản của chị **L**, ông **T1** và bà **T2**:* Bà **Nguyễn Thị Mỹ L1** - **Công ty L2**, địa chỉ: **Tổ dân phố số A M, phường T, thành phố Hà Nội**.

* *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1964. Địa chỉ: Tổ dân phố K, phường C, thành phố Hải Phòng.

Chị L1, anh T, ông T1, bà T2, bà C đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, nguyên đơn - chị Phan Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau ngày 11/07/2022 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương (N là phường C, thành phố Hải Phòng). Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài mấy năm nay, đã tìm cách khắc phục và cho nhau nhiều cơ hội nhưng tình trạng mâu thuẫn không được cải thiện. Từ đầu năm 2024, chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở thôn C, xã H, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng sống ly thân, không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, người nào biết bỏn phận người đó. Nay vợ chồng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Phan Nhật A, sinh ngày 21/9/2022. Hiện tại, cháu đang sống cùng với chị và ông bà ngoại là ông Phan Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2. Khi ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Hiện tại, chị chuẩn bị đi xuất khẩu lao động nên chị đề nghị tạm giao cháu A cho ông bà ngoại cháu nuôi dưỡng trong thời gian chị không có mặt ở Việt Nam. Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị tự nguyện chịu cả án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng đã nhiều lần tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật nhưng bị đơn - anh Nguyễn Văn T không đến Tòa án làm việc và không gửi văn bản nêu ý kiến quan điểm đối với yêu cầu của nguyên đơn.

- Ông Phan Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2 là bố mẹ đẻ của chị L trình bày: Sau khi kết hôn, anh T, chị L ở tại gia đình nhà bố mẹ đẻ anh T. Thời gian đầu vẫn khó khăn vợ chồng yêu thương bảo ban nhau làm ăn và sau đó cùng nhau đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Năm 2022, chị L về nước để sinh con, khi đó vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống, hai vợ chồng không còn quan tâm, hỏi han đến nhau. Mặc dù, gia đình ông bà đã nhiều lần khuyên bảo, hòa giải nhưng không thành. Mâu thuẫn của anh T và chị L kéo dài

đã lâu, vợ chồng sống ly thân và có cuộc sống riêng nên ông bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị **L**, anh **T** ly hôn để ổn định cuộc sống. Về con chung: Chị **L**, anh **T** có một con chung là cháu **Nguyễn Phan Nhật A**, sinh ngày 21/9/2022. Hiện tại, cháu đang sống cùng chị **L** và ông bà. Cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn, ông bà đề nghị Tòa án giao cho chị **L** tiếp tục nuôi dưỡng cháu **A**. Nếu chị **L** được nuôi con, ông bà sẽ hỗ trợ chị **L** trong việc trông nom chăm sóc cháu **A**. Trong thời gian đi **L** lao động tại nước ngoài ông bà đề nghị Tòa án tạm giao cháu **A** cho ông bà chăm sóc nuôi dưỡng, ông bà không yêu cầu anh **T**, chị **L** phải cấp dưỡng nuôi con.

- Bà **Nguyễn Thị C** là mẹ đẻ của anh **T** trình bày: Sau khi kết hôn, anh **T**, chị **L** ở với vợ chồng bà. Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm nên mọi công việc trong cuộc sống không thống nhất được với nhau. Hiện tại, chị **L** đã đưa con về nhà ngoại sống, không sống cùng với gia đình bà bà. Mặc dù, gia đình bà đã khuyên giải động viên nhiều lần nhưng chị **L**, anh **T** không khắc phục được mâu thuẫn. Nay chị **L** xin ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị **L** ly hôn với anh **T** để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Bà cũng cho biết anh **T** đã biết việc Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa anh **T** và chị **L**, anh **T** có nói với bà là anh đồng ý ly hôn, đồng ý giao con chung cho chị **L** tiếp tục nuôi dưỡng, anh **T** không phải trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với chị **L**. Do hiện nay anh **T** đang lao động tại Nhật Bản nên không về giải quyết ly hôn và trình bày quan điểm với Tòa án được nên anh **T** đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn vắng mặt anh. Hiện tại, địa chỉ cụ thể của anh **T** thế nào bà không nắm được. Bà hỏi, anh **T** cũng không nói.

- Ông **Dương Đức P** (Tổ trưởng tổ dân phố **K**) cung cấp: Hiện anh **Nguyễn Văn T** có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố **K**, phường **C**, thành phố **Hải Phòng**. Về mâu thuẫn giữa chị **L** và anh **T** thôn không nắm được, chỉ nắm được là chị **L** không sống cùng với anh **T** và gia đình nhà chồng mấy năm nay. Đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt, có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn được triệu tập họp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử

ngợi án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 299, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội khóa 15. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Phan Thị L**. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Phan Thị L** ly hôn anh **Nguyễn Văn T**. Về con chung: Xử giao con chung là **Nguyễn Phan Nhật A**, sinh ngày 21/9/2022 cho chị **L** tiếp tục nuôi dưỡng, kể từ tháng 5/2026 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh **T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị **L**. Tạm giao con chung là **Nguyễn Phan Nhật A** cho ông **Phan Văn T1** và bà **Nguyễn Thị T2** chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị **L** đi làm xa nhà. Anh **T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về án phí: Chị **Phan Thị L** phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Bị đơn - anh **Nguyễn Văn T** đăng ký thường trú tại **tổ dân phố K, phường C, thành phố Hải Phòng**. Chị **Phan Thị L** khởi kiện xin ly hôn anh **T** và đề nghị giải quyết việc nuôi con, do vậy, đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội khóa 15.

1.2. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn, giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228, Điều 229,

Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Phan Thị L** và anh **Nguyễn Văn T** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương (nay là phường C, thành phố Hải Phòng)** ngày 11/7/2022. Do vậy, hôn nhân của chị **L** và anh **T** là hợp pháp. Vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau về tính cách và quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Từ đầu năm 2024, vợ chồng bắt đầu sống ly thân và không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Gia đình đã khuyên bảo, hòa giải nhưng không được. Mặc dù, Tòa án đã triệu tập anh **T** đến Tòa án nhiều lần, nhưng anh **T** không đến, không gửi văn bản thể hiện ý kiến, thể hiện sự thờ ơ, bỏ mặc tình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng việc chị **L**, anh **T** từ đầu năm 2024 đến nay không sống chung, yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình, đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị **L** xin ly hôn với anh **T**.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là **Nguyễn Phan Nhật A**, sinh ngày 21/9/2022. Xét điều kiện, hoàn cảnh hiện tại, cháu **A** đang do chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay. Cháu khỏe mạnh và được chị **L** chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển bình thường. Cả chị **L** và anh **T** (liên lạc thông qua mẹ đẻ là bà **C**) đều thống nhất quan điểm đề nghị để chị **T** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu **A**. Quan điểm của chị **L**, anh **T** phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của vợ chồng. Do vậy, căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận theo yêu cầu của chị **L**; tiếp tục giao con chung **Nguyễn Phan Nhật A** cho chị **L** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Chị **L** tự nguyện không yêu cầu anh **T** phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị. Đây là ý kiến tự nguyện của chị **L**, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Anh **T** không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị **L** chuẩn bị đi làm ăn xa, có văn bản ủy quyền cho ông **T1**, bà **T2** chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **A** trong thời gian chị vắng nhà. Ông **T1**, bà **T2** cũng nhất trí nhận ủy quyền của chị **L**. Do cháu **A** hiện tại đang sống cùng với mẹ và ông bà

ngoại (ông T1, bà T2). Việc ủy quyền nuôi cháu A là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế và không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Do vậy, cần chấp nhận việc ủy quyền giữa chị L và ông T1, bà T2, tạm giao cháu A cho ông T1, bà T2 chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị L đi làm ăn xa để đảm bảo quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng của cháu A.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 299, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội khóa 15.
Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị L.
 - Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị L ly hôn anh Nguyễn Văn T.
 - Về con chung: Có 01 con chung.

Xử giao con chung là Nguyễn Phan Nhật A, sinh ngày 21/9/2022 cho chị Phan Thị L tiếp tục nuôi dưỡng, kể từ tháng 5/2026 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị L.

Tạm giao con chung là Nguyễn Phan Nhật A cho ông Phan Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2 chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị L đi làm xa nhà.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Phan Thị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu ký hiệu BLTU/26E số 0002131 ngày 26/02/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng; Chị L đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 09-Hải Phòng;
- THADS TP. Hải Phòng;
- UBND phường Chu Văn An (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Giang